

CHƯƠNG IX

**BỘ NỘI VỤ VỚI CÔNG CUỘC CẢI CÁCH
NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI
(8-2002 đến 2005)**

Những năm đầu thế kỷ XXI, sau 15 năm đổi mới, đất nước đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao và tương đối ổn định. “Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sau 10 năm tăng hơn gấp đôi (2,07 lần). Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ mức không đáng kể, đến năm 2000 đã đạt 27% GDP”¹. Thể chế kinh tế thị trường đã hình thành và bước đầu vận hành có hiệu quả. Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tạo ra tiền đề cần thiết cho bước phát triển mới. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực, “quan hệ sản xuất đã có bước đổi mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”². Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta được cải thiện và nâng cao rõ rệt, tình hình chính trị - xã hội của đất nước tương đối ổn định, quốc phòng an ninh được tăng cường, quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và ngày càng đạt được nhiều kết quả hơn. Công tác xây dựng Đảng được chú trọng, hệ thống chính trị được củng cố;

1,2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 149, 150.

Nhà nước tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, nền hành chính Nhà nước được cải cách một bước...

Bên cạnh những kết quả và thành tựu to lớn đã đạt được, thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước vẫn đang còn những yếu kém, bất cập, đó là: nền kinh tế còn kém hiệu quả, sức cạnh tranh yếu, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, quan hệ sản xuất có mặt chưa phù hợp, các thành phần kinh tế chưa phát huy hết năng lực, chưa được thực sự bình đẳng, cơ chế quản lý kinh tế - xã hội còn nhiều bất hợp lý; giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, văn hóa thể thao... còn có những yếu kém, bất cập, việc đổi mới cơ chế và thực hiện xã hội hóa trong những lĩnh vực này còn triển khai chậm; đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, số lao động chưa có việc làm còn lớn, tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi...

Trong lĩnh vực cải cách hành chính nhà nước, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém cần khắc phục, đó là “Công tác cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết cả về xây dựng và hoàn thiện thể chế, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực và làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức”¹.

Về bối cảnh quốc tế, chúng ta bước vào thế kỷ XXI trước sự tác động, ảnh hưởng của một bối cảnh quốc tế “có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn”, “*Khoa học và công nghệ*, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức...”, “*Toàn cầu hóa kinh tế* là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực... Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng”².

Trước bối cảnh trong nước và quốc tế với những cơ hội và thách thức mới, để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 155, 157.

sự cần thiết phải đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; tiếp tục cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước, xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Trước những đòi hỏi của thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước trong những năm đầu của thế kỷ mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của công tác tổ chức và cán bộ trong bộ máy hành chính nhà nước, trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng như trong công tác quản lý theo nguyên tắc đa ngành, đa lĩnh vực. Để đủ sức đảm đương được những trọng trách to lớn, nặng nề đó, cần thiết phải hình thành một Bộ thuộc cơ cấu Chính phủ với tên gọi đúng với vai trò, chức năng của nó mà trước đây đã từng có trong Chính phủ cách mạng đầu tiên do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập đó là: **Bộ Nội vụ**. Do đó, ngày 5-8-2002, Quốc hội khóa XI (kỳ họp thứ nhất) quyết định đổi tên Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ thành Bộ Nội vụ.

I- ĐỔI TÊN BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ THÀNH BỘ NỘI VỤ

Bộ Nội vụ là một trong 26 Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ khóa XI, nhiệm kỳ (2002-2007) do Quốc hội khóa XI quyết định¹. Tiếp đó, ngày

1. 26 Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ khóa XI (2002-2007) gồm: 1. Bộ Quốc phòng; 2. Bộ Công an; 3. Bộ Ngoại giao; 4. Bộ Tư pháp; 5. Bộ Tài chính; 6. Bộ Thương mại; 7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; 8. Bộ Giao thông vận tải; 9. Bộ Xây dựng; 10. Bộ Thủy sản; 11. Bộ Văn hoá - Thông tin; 12. Bộ Giáo dục và Đào tạo; 13. Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn; 14. Bộ Công nghiệp; 15. Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 16. Bộ Y tế; 17. Bộ Khoa học và Công nghệ; 18. Bộ Tài nguyên và Môi trường; 19. Bộ Bưu chính Viễn thông; 20. Bộ Nội vụ; 21. Thanh tra Nhà nước; 22. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 23. Ủy ban Thể dục thể thao; 24.

19-9-2002, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 123/QĐ-TTg về việc chuyển Học viện Hành chính quốc gia về Bộ Nội vụ. Việc đổi tên Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ thành Bộ Nội vụ và việc sáp nhập Học viện Hành chính quốc gia về Bộ Nội vụ là bước phát triển quan trọng của Bộ Nội vụ. Điều đó cũng chứng tỏ, Bộ Nội vụ ngày càng đảm nhận vai trò, vị trí quan trọng trong quá trình phát triển đất nước.

Thi hành Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 và Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5-11-2002 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, ngày 9-5-2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2003/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

Nghị định chỉ rõ: *Bộ Nội vụ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; tổ chức chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; tổ chức hội và tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.*

Nghị định quy định các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ Nội vụ, đó là:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các dự án Luật, Pháp lệnh và dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật khác về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

3. Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt

Ủy ban Dân tộc; 25. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; 26. Văn phòng Chính phủ.

và các văn bản pháp luật khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

5. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các đề án về: cơ cấu tổ chức của Chính phủ; thành lập, sáp nhập, giải thể, bãi bỏ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân; phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cơ chế quản lý đối với các tổ chức sự nghiệp nhà nước; quy định phân loại các tổ chức hành chính và sự nghiệp nhà nước; các đề án về tổ chức các cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ; thẩm định các đề án về điều chỉnh cơ cấu tổ chức các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân.

6. Về tổ chức chính quyền địa phương:

Trình Chính phủ đề án về nguyên tắc và tiêu chí phân loại đơn vị hành chính; thành lập mới, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh các đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật; thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu cử thành viên ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thống nhất quản lý công tác bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các đại biểu Hội đồng nhân dân; giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Hội đồng nhân dân; chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban nhân dân thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; hướng dẫn kiểm tra hoạt động của ủy ban nhân dân; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn...

7. Về địa giới hành chính:

Nghiên cứu cơ bản về địa giới hành chính, xây dựng các nguyên tắc về quản lý, phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính; trình Chính phủ đề án về thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính các cấp, giải quyết hoặc hướng dẫn chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề tranh chấp địa giới hành chính theo phân cấp; quản lý hồ sơ địa giới hành chính các cấp.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước:

Trình Chính phủ đề án về: phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức và biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước và cán bộ cơ sở; chính sách, chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp, trợ cấp đối với cán bộ, công nhân viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang, cán bộ dân cử, cán bộ xã, phường, thị trấn; tiền lương lực lượng vũ trang và viên chức giữ chức vụ quản lý doanh nghiệp nhà nước và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước; trình Thủ tướng Chính phủ đề án về sử dụng, đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và cơ cấu ngạch công chức. Tổng hợp biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm của các cơ quan nhà nước. Ban hành các quy định về chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các ngạch công chức. Thống nhất quản lý chương trình, phương thức và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hành chính nhà nước; làm thường trực công tác cải cách chính sách tiền lương nhà nước; thẩm định về nhân sự đối với các chức danh cán bộ, công chức do các cơ quan nhà nước ở Trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ; quyết định việc bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp.

9. Về tổ chức Hội và các Tổ chức phi chính phủ:

Trình Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, phê duyệt điều lệ Hội, Tổ chức phi chính phủ. Hướng dẫn và quyết định cho phép thành lập, giải thể, phê duyệt điều lệ của Hội và Tổ chức phi chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều lệ đối với các Hội, Tổ chức phi chính phủ.

10. Về cải cách hành chính nhà nước:

Trình Chính phủ các đề án chung về cải cách hành chính trong từng giai đoạn và tổ chức thực hiện các chương trình cải cách hành chính về lĩnh vực tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; thẩm định các đề án cải cách hành chính do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ;

làm thường trực công tác cải cách hành chính của Chính phủ.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ:

Trình Chính phủ đề án về quản lý công tác văn thư và tài liệu lưu trữ quốc gia; ban hành các quy định về quản lý công tác văn thư và tài liệu lưu trữ quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan nhà nước thực hiện các quy định về quản lý công tác văn thư, lưu trữ.

12. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực cải cách hành chính nhà nước. Thực hiện hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực của Bộ; chủ trì tổ chức và thực hiện các hoạt động hợp tác trong ASEAN về lĩnh vực công vụ...

13. Kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực công tác thuộc thẩm quyền của Bộ.

14. Trình Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng con dấu; hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng con dấu của các cơ quan nhà nước.

15. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước, khoa học hành chính và ứng dụng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác của Bộ.

16. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Về cơ cấu tổ chức, Nghị định số 45/2003/NĐ-CP quy định: Bộ Nội vụ gồm 12 tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và 4 đơn vị sự nghiệp.

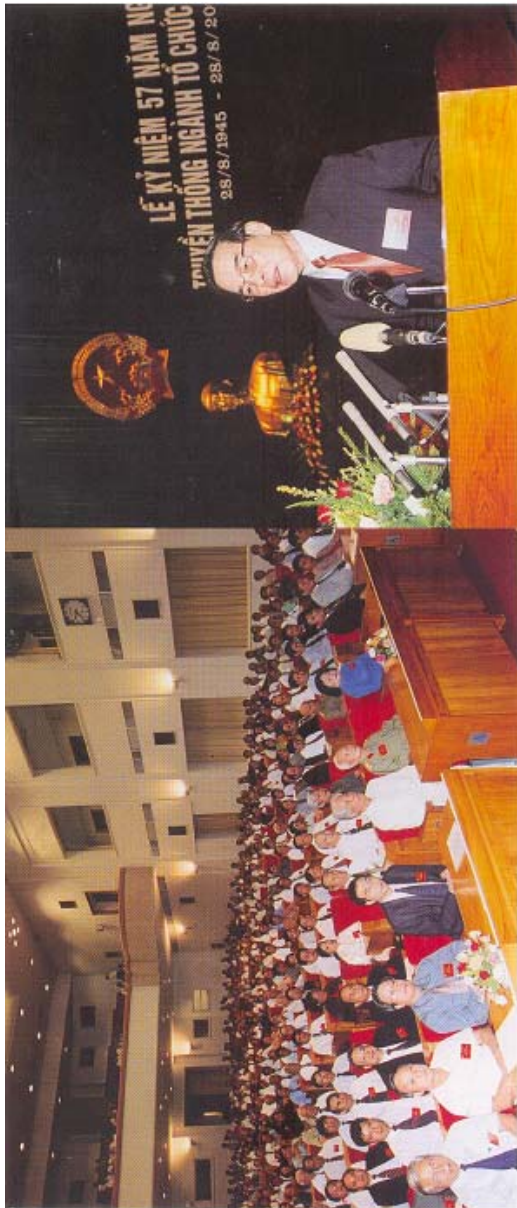
Thực hiện Nghị định số 45/2003/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Nội vụ tiến hành kiện toàn tổ chức, bộ máy các đơn vị trong Bộ. Từ ngày 17-7-2003 đến

hết ngày 23-12-2003, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ra 15 quyết định quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của tất cả các đơn vị trong Bộ Nội vụ. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, tổ chức, bộ máy của Bộ Nội vụ được củng cố một bước. Đến cuối năm 2004, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ gồm 12 tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước là: Vụ Tổ chức - Biên chế; Vụ Chính quyền địa phương; Vụ Công chức - Viên chức; Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước; Vụ Tiền lương; Vụ Tổ chức phi Chính phủ; Vụ Cải cách hành chính; Vụ Hợp tác quốc tế; Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước; Vụ Tổ chức cán bộ; Thanh tra; Văn phòng (có cơ quan thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng) và 4 đơn vị sự nghiệp, bao gồm: Học viện Hành chính quốc gia; Viện Nghiên cứu Khoa học tổ chức nhà nước; Tạp chí Tổ chức nhà nước và Trung tâm Tin học.

Cùng với sự phát triển về tổ chức bộ máy và để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ ngày càng tăng lên. Đến đầu năm 2005, tổng số cán bộ, công nhân viên chức cơ quan Bộ Nội vụ khoảng 270 người. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước và để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, đội ngũ cán bộ công nhân viên chức của Bộ không ngừng tăng lên về số lượng và từng bước được nâng cao về chất lượng, số cán bộ được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo sau đại học cũng được tăng lên nhanh chóng.

Lãnh đạo Bộ gồm có: đồng chí Đỗ Quang Trung, ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và 5 Thứ trưởng là các đồng chí: Đặng Quốc Tiến, Thang Văn Phúc, Nguyễn Trọng Điều, Nguyễn Ngọc Hiến và Trần Hữu Thắng.

Sự đổi mới về tổ chức bộ máy và cán bộ trong những năm đầu thế kỷ XXI tạo tiền đề để Bộ Nội vụ thực hiện tốt những nhiệm vụ do Chính phủ giao.



Thủ tướng Phan Văn Khải phát biểu tại lễ kỷ niệm 57 năm ngày truyền thống ngành Tổ chức nhà nước (28-8-1945 - 28-8-2002)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ (thời kỳ 1945-1946) phát biểu tại lễ kỷ niệm 57 năm ngày truyền thống ngành Tổ chức nhà nước (28-8-1945 - 28-8-2002)



Tổng Bí thư Bộ Chính Trị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (21-2-2002)



Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phạm Thế Duyệt làm việc với Lãnh đạo Bộ Nội vụ (2-2-2002)

II- CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Từ cuối năm 2002, Bộ Nội vụ tập trung cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng theo hướng tiếp tục đổi mới tổ chức, bộ máy hành chính Nhà nước theo yêu cầu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước. Trong đó, một trong những nhiệm vụ then chốt là: “Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công.”¹. Trên cơ sở định hướng chung đó, Bộ Nội vụ tham mưu để Chính phủ trình Quốc hội thông qua cơ cấu và nhân sự Chính phủ khóa XI. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XI, Quốc hội ra Nghị quyết phê chuẩn cơ cấu Chính phủ nhiệm kỳ (2002-2007) gồm 20 Bộ, 6 cơ quan ngang Bộ và 13 cơ quan thuộc Chính phủ, giảm 10 cơ quan thuộc Chính phủ so với nhiệm kỳ (1997-2002).

Nhằm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành, Bộ Nội vụ nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5-11-2002 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (thay thế Nghị định số 15/CP); Nghị định số 30/NĐ-CP ngày 1-4-2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc Chính phủ. Đến đầu năm 2005, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 39 Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Trong các Nghị định trên đã thể hiện được những yêu cầu chủ yếu của cải cách hành chính như tách bạch chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh và hoạt động sự nghiệp, dịch vụ

công của mỗi cơ quan nhà nước; các Bộ, ngành tập trung chủ yếu vào thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về chiến lược, quy hoạch, thể chế chính sách, pháp luật, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện và thanh tra, kiểm tra, tăng cường phân cấp quản lý cho chính quyền địa phương và đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công. Đồng thời trong các Nghị định này đã khắc phục được nhiều vấn đề chồng chéo, vướng mắc trong việc phân công chức năng, thẩm quyền giữa các Bộ, ngành.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc, tôn giáo, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc và tôn giáo. Bên cạnh đó, Bộ nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ quyết định kiện toàn, đổi tên, thành lập các Ban Chỉ đạo liên ngành, Hội đồng tư vấn, các Ban quản lý các khu công nghiệp và đổi tên một số cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh như Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Bưu chính Viễn thông, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ...

Tiếp tục thực hiện chủ trương tách bạch giữa các cơ quan hành chính công quyền với các đơn vị sự nghiệp nhà nước, Bộ Nội vụ đã xây dựng trình Chính phủ ban hành cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức và biên chế, tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trên các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế.

Để góp phần kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định cụ thể các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó đã thể hiện rõ tinh thần cải cách theo hướng phân cấp mạnh hơn cho địa phương trong việc quyết định về tổ chức bộ máy và nhân sự. Cụ thể là đã thiết kế các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân theo hai mô hình, mô hình “cứng” áp dụng chung cho mọi địa phương, và mô hình “mềm”, theo đó các địa phương có thể tự chọn tùy theo tình hình, hoàn cảnh cụ thể của mỗi địa phương. Theo các Nghị định này số lượng các cơ quan

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.133.

chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giảm từ gần 30 Sở ngành trước đây xuống còn 22 - 24 đơn vị; số lượng các phòng của ủy ban nhân dân cấp huyện giảm từ 15 - 16 xuống còn 10 - 12 đơn vị.

Để thực hiện một trong những nội dung quan trọng của cải cách hành chính là đổi mới phân công, phân cấp quản lý nhà nước giữa các ngành, các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước, trong các năm 2002 -2003, Bộ Nội vụ đã tiến hành điều tra, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp. Từ kết quả điều tra, khảo sát, rà soát, đã phát hiện 108 nhiệm vụ đang có sự chồng chéo giữa các Bộ, ngành ở Trung ương; 57 nhiệm vụ các Bộ, ngành đang thực hiện nhưng chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật; 102 vấn đề còn vướng mắc giữa các Bộ, ngành với chính quyền cấp tỉnh, 38 vấn đề còn vướng mắc giữa cấp tỉnh với cấp huyện; 8 vấn đề vướng mắc giữa cấp huyện với cấp xã. Những bất hợp lý này đã được giải quyết một phần khi xây dựng các Nghị định của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong năm 2004 và 2005¹.

Nhằm tăng cường phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương, Bộ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 30-6-2004 về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền cấp tỉnh. Nghị quyết số 08/NQ-CP là cơ sở pháp lý để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy cơ quan hành chính nhà nước “nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; đồng thời, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Chính phủ để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ tốt hơn nhu cầu và lợi ích của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện chuyển sang nền kinh

1. Báo cáo kết quả điều tra thực trạng phân công, phân cấp quản lý nhà nước Trung ương-địa phương của Viện Nghiên cứu Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ năm 2003- Kho lưu trữ Bộ Nội vụ.

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”². Sau 6 tháng tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP, đến đầu năm 2005, 22 Bộ, ngành đã xây dựng đề án về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực để trình Chính phủ xem xét. Bộ Nội vụ cũng hoàn thành các dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của ủy ban nhân dân 3 cấp: tỉnh, huyện, xã theo hướng phân định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp chính quyền địa phương. Với việc đổi mới, tăng cường phân cấp, phân quyền giữa Trung ương, địa phương là một trong những vấn đề cốt lõi, trọng tâm của cải cách hành chính, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền nhà nước, phù hợp với xu thế xây dựng nền hành chính phát triển của thế giới ngày nay.

Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, trong năm 2003, Bộ Nội vụ thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của 16 Tổng Công ty 91; 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 24 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Năm 2004, Bộ thẩm định trình Chính phủ phê duyệt 29 đề án thành lập Tổng Công ty nhà nước, Công ty nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con; thẩm định các đề án về việc thành lập mới và nâng cấp 25 trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Gắn liền với cải cách tổ chức bộ máy là vấn đề đổi mới quản lý và tinh giản biên chế hành chính, sự nghiệp. Trong năm 2003, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19-6-2003 về phân cấp quản lý biên chế hành chính sự nghiệp; trình Chính phủ thông qua Nghị quyết số 09/ 2003/NQ-CP ngày 28-7-2003 bổ sung Nghị quyết số 16/CP về tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức các cơ quan

2. Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30-6-2004 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương- tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

hành chính, sự nghiệp của Nhà nước, đồng thời kiểm tra và thẩm định các đề án tinh giản biên chế của 14 Bộ, 6 cơ quan ngang Bộ, 5 cơ quan thuộc Chính phủ và 52 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau hai năm tích cực thực hiện tinh giản biên chế, đến cuối năm 2004, tinh giản được tổng số 41.956 người. Trong đó, năm 2003: 15.624 người; năm 2004: 26.332 người. Các cơ quan trung ương tinh giản 4.783 người; các địa phương tinh giản 37.193 người¹.

Cùng với việc đổi mới quản lý và tinh giản biên chế, Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đã hướng dẫn, chỉ đạo đẩy mạnh khoán biên chế và kinh phí hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương. Trong năm 2004, Bộ hướng dẫn đơn đốc, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện khoán biên chế và quản lý kinh phí hành chính ở 160 cơ quan trung ương (tập trung ở 3 Bộ: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội; Giao thông vận tải), và 399 cơ quan thuộc 50/64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương². Thông qua khoán biên chế và kinh phí hành chính đã giảm được 7,7% biên chế, tiết kiệm từ 20-30% kinh phí và góp phần tăng thu nhập cho những người hưởng lương.

III - XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Trong 2 năm 2002-2003, Bộ Nội vụ đã cùng các Bộ, ngành hữu quan nghiên cứu, xây dựng trình các cấp có thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI ngày 26-11-2003, Quốc hội đã thông qua Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2003, 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 2, 3.

2. Báo cáo tổng kết công tác năm 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 3.

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có một số điểm mới như: sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trên tinh thần phân cấp; quy định rõ và cụ thể hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, thay đổi về tổ chức và cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân; quy định cơ chế bầu cử Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong trường hợp chức vụ này bị khuyết trong nhiệm kỳ; giảm số lượng thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã; quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định, chỉ thị; phân định rõ hơn thẩm quyền của tập thể Ủy ban nhân dân và cá nhân Chủ tịch Ủy ban nhân dân; xác định rõ hơn cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.

Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có một số nội dung mới, sửa đổi, bổ sung cơ bản sau: Quy định cụ thể hơn tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân; tăng số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp; tăng số người ứng cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử; Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có quyền dự kiến và điều chỉnh cơ cấu, thành phần số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định thành lập các tổ phụ trách bầu cử; quy định thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tăng thời gian công bố ngày bầu cử Hội đồng nhân dân; tăng tỷ lệ đại biểu là phụ nữ và người dân tộc thiểu số trong Hội đồng nhân dân; quy định cụ thể các trường hợp được tiến hành bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân; quy định rõ và cụ thể hơn việc lập danh sách cử tri.

Hai luật mới này tạo cơ sở pháp lý để củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của chính quyền địa phương. Đồng thời trao quyền chủ động hơn cho các cấp chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ phát huy dân chủ đại diện, tạo điều kiện tốt hơn để nhân dân lựa chọn, bầu vào Hội đồng nhân dân - cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương những đại biểu ưu tú có đủ tiêu chuẩn, có phẩm chất và năng lực tốt, xứng đáng là đại diện cho ý

chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân ở địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra đối với chính quyền địa phương trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Lần đầu tiên, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân với tinh thần cơ bản là thể chế hóa đường lối của Đảng về thực hiện dân chủ ở cơ sở và phát huy dân chủ trong việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định cử tri thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được quyền giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Trong 2 ngày 8, 9-1-2004, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai và tập huấn công tác bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ (2004-2009). Thủ tướng Phan Văn Khải dự và chỉ đạo Hội nghị. Tham dự Hội nghị còn có các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tại Hội nghị, Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; giới thiệu nội dung cơ bản Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân sửa đổi, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân sửa đổi. Tiếp đó, Bộ đã tham mưu để Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009 trong cả nước. Cuộc bầu cử đã diễn ra dân chủ, đúng luật, an toàn và tiết kiệm. Kết quả có "99,52% số cử tri có tên trong danh sách đã đi bầu cử và bầu được 306.126 đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đạt 95,42% số đại biểu được bầu theo quy định của Luật. Trong đó, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 3.852 đại biểu; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện là 23.462 đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là 278.812 đại biểu. Kết quả bầu cử cho thấy, nhiệm kỳ 2004-2009: Đại biểu nữ chiếm 20,1%; đại biểu trẻ tuổi chiếm 21,2%; đại biểu tái cử chiếm 34,2%; đại biểu ngoài Đảng chiếm 30,8%; đại biểu tự ứng cử chiếm 0,087%. So với nhiệm kỳ 1999-2004, cho thấy một số cơ cấu tăng: ở cấp tỉnh: đại biểu trẻ tuổi tăng 0,57%; đại biểu nữ tăng 2,83%; đại biểu dân tộc tăng 6,41%, đại biểu là người

tôn giáo tăng 0,06%, đại biểu tái cử tăng 2,17%¹. Sau bầu cử, Bộ Nội vụ hướng dẫn các địa phương triển khai kiện toàn Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ (2004-2009), đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ quản lý, điều hành chính quyền ở các địa phương.

Bộ cũng nghiên cứu, xây dựng trình các cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của ủy ban nhân dân cấp xã, các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, tiêu chuẩn về cán bộ, công chức xã...

Trên cơ sở điều tra, khảo sát các tỉnh Tây Nguyên, Bộ Nội vụ xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 253/2003/QĐ-TTg về một số giải pháp góp phần củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn (2002-2010).

Nhằm kịp thời tổng kết và rút kinh nghiệm về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng kết 5 năm thực hiện Quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Đến năm 2004, Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai thực hiện ở hầu hết các xã, phường, thị trấn trong cả nước và ở hầu hết các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước. Thông qua việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã từng bước xây dựng được lề lối làm việc dân chủ, công khai, tăng cường đoàn kết nội bộ trong nhân dân; củng cố niềm tin của dân với Đảng, góp phần ngăn chặn tệ quan liêu, tham nhũng, hách dịch, cửa quyền của cán bộ, công chức; hạn chế phát sinh những điểm nóng, xây dựng chính quyền trong sạch, tạo cơ sở vững chắc cho việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 7-7-2003 thay thế Nghị định số 29/1998/NĐ-CP nhằm khắc phục một số điểm chưa phù hợp và phát huy hơn nữa việc thực hiện Quy chế dân chủ trong xây dựng và

1. Báo cáo tổng kết công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

củng cố chính quyền cơ sở.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Bắc, giữ vững an ninh quốc phòng vùng Tây Nguyên, phát triển đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Bộ Nội vụ khảo sát và thẩm định, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 4 để quyết định chia tỉnh Lai Châu thành tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu, chia tỉnh Đắk Lắk thành tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông, chia tỉnh Cần Thơ thành thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương và tỉnh Hậu Giang. Ngoài ra, Chính phủ còn xem xét việc chia tách, thành lập mới các đơn vị cấp huyện và xã, nâng cấp đô thị, điều chỉnh địa giới hành chính của một số địa phương. Tính đến hết năm 2004, cả nước có 64 đơn vị hành chính cấp tỉnh (59 tỉnh, 5 thành phố trực thuộc Trung ương), 662 đơn vị cấp huyện (quận, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã và huyện), 10.766 đơn vị cấp xã (xã, phường, thị trấn)¹.

Những tham mưu, đề xuất của Bộ Nội vụ với Chính phủ về công tác củng cố, xây dựng chính quyền địa phương đã góp phần xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền địa phương các cấp. Tuy nhiên, việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, nghị định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn chậm. Việc giải quyết các tranh chấp về địa giới hành chính chưa dứt điểm, chưa hạn chế được việc chia tách và nâng cấp các đơn vị hành chính.

IV - XÂY DỰNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, để đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong thời kỳ mới, Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế

cán bộ, công chức... Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn”².

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Bộ Nội vụ tích cực tham mưu xây dựng chính sách và chỉ đạo thực hiện việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, hoàn thiện chế độ công vụ theo tinh thần cải cách hành chính.

1. Xây dựng thể chế quản lý đội ngũ cán bộ, công chức

Trong quá trình triển khai thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức năm 1998, đã bộc lộ một số vấn đề bất hợp lý và chưa cụ thể cần tiếp tục hoàn thiện. Do đó đến năm 2003, theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo, trình Chính phủ xem xét để trình ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn Pháp lệnh Cán bộ, công chức (sửa đổi) và tham mưu cho Chính phủ ban hành các Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cán bộ, công chức (sửa đổi).

Quán triệt tinh thần cải cách hành chính, Pháp lệnh Cán bộ, công chức sửa đổi năm 2003 đã phân biệt rõ hơn công chức hành chính với viên chức sự nghiệp, chế độ công chức dự bị và đưa một bộ phận cán bộ cấp cơ sở xã, phường, thị trấn vào phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh Cán bộ, công chức. Bộ phận cán bộ, công chức cấp xã gồm: cán bộ chuyên trách của Đảng, chính quyền đoàn thể và 7 chức danh chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp xã. Các đối tượng này được gọi là cán bộ, công chức cơ sở. Điều đó thể hiện sự quan tâm to lớn của Đảng, Nhà nước tới đội ngũ cán bộ cơ sở; góp phần từng bước củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở. Pháp lệnh Cán bộ, công chức (sửa đổi) đã phân định rõ giữa công chức làm việc trong các cơ quan hành chính công quyền với viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp, xây dựng các cơ chế quản lý phù hợp, chế độ tuyển dụng, thôi việc, xử lý trách nhiệm. Pháp

1. Báo cáo tổng kết năm 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 2.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.135.

lệnh cũng quy định chế độ công chức dự bị trong các cơ quan hành chính nhà nước. Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tham mưu trình Chính phủ ban hành một loạt Nghị định để triển khai Pháp lệnh Cán bộ, công chức (sửa đổi) đó là: Nghị định số 117/2003/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước; Nghị định số 116/2003/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; Nghị định số 115/2003/NĐ-CP về chế độ công chức dự bị; Nghị định số 114/2003/NĐ-CP về cán bộ xã, phường, thị trấn; Nghị định số 121/2003/NĐ-CP về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thay thế Nghị định số 09/1998/NĐ-CP... Sau đó, Bộ Nội vụ hướng dẫn, chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương tiến hành triển khai các quy định mới về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần phân cấp đầy đủ hơn, tách quản lý cán bộ, công chức hành chính với cán bộ, viên chức sự nghiệp; xây dựng các cơ chế quản lý phù hợp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, các chế độ thôi việc, chế độ xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức đã được nghiên cứu để trình Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

Nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, Bộ Nội vụ đã tiến hành triển khai thực hiện Chương trình xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước giai đoạn I (2003-2005) và bắt tay vào nghiên cứu chuẩn bị xây dựng Luật Công vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng chế độ công vụ mới. Bộ cũng đã hướng dẫn, chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc các Nghị định mới về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức. Năm 2003, Bộ đã tổ chức kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp cho 145 công chức (gồm 71 công chức khối địa phương và 74 công chức khối Bộ, ngành Trung ương), trong đó có 14 đồng chí nữ. Đồng thời, Bộ tổ chức kỳ thi nâng ngạch

chuyên viên lên chuyên viên chính cho 1.733 công chức thuộc các Bộ, ngành, địa phương. Việc tổ chức thi nâng ngạch được phân cấp đến các Bộ quản lý ngạch chuyên ngành. Các Bộ tổ chức các kỳ nâng ngạch chuyên ngành tương đương ngạch chuyên viên chính đối với 2.303 cán bộ, công chức¹. Năm 2004, Bộ tổ chức kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp cho 182 cán bộ, công chức trong đó có 88 cán bộ, công chức khối địa phương và 94 cán bộ, công chức khối Trung ương và tổ chức kỳ thi nâng ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính cho trên 1.500 công chức thuộc các Bộ, ngành, địa phương¹.

Trong 2 năm 2003-2004, Bộ đã tập trung đôn đốc việc thực hiện Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo một số Bộ, ngành, địa phương. Năm 2003, Bộ phối hợp với các cơ quan hữu quan tham mưu cho Chính phủ về nhân sự cao cấp, đã trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm 18 Thứ trưởng và tương đương, phong hàm cấp tướng cho 67 đồng chí, bổ nhiệm 1 Tổng cục trưởng, 7 Phó Tổng cục trưởng và tương đương, 7 Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt, 20 đại sứ Việt Nam tại các nước. Năm 2004, Bộ Nội vụ thẩm định và trình Ban cán sự Đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 1 Bộ trưởng, 19 Thứ trưởng và tương đương, 7 Tổng cục trưởng và tương đương, 15 Phó Tổng cục trưởng và tương đương, 19 Đại sứ Việt Nam tại các nước; 16 Trưởng ban quản lý các Khu công nghiệp, 6 Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị các Tổng Công ty nhà nước². Bên cạnh đó, Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu cử thành viên ủy ban nhân dân của 64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm lại đối với 25 người giữ

1. Báo cáo công tác thi tuyển, thi nâng ngạch công chức năm 2003, tài liệu lưu Bộ Nội vụ.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2003 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu Bộ Nội vụ, tr. 6.

2. Báo cáo tổng kết công tác năm 2003, 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 6, 7.

chức vụ lãnh đạo diện do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá VIII về Chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và thực hiện chủ trương của Đại hội IX của Đảng về việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gần bó với nhân dân, ngày 7-5-2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 74/2001/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2001-2005.

Thực hiện Quyết định số 74/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong 3 năm 2001-2003, tổng số cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng của 63/64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 52/60 đầu mối Bộ, ngành Trung ương là gần 1.213.000 lượt người, trong đó khối Bộ, ngành là 238.000 lượt người và địa phương là 975.000 lượt người. Trong số 1.213.000 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng trong 3 năm, số lượt người được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ là 1.128.000 lượt người; trong đó, số lượt người được đào tạo về 3 nội dung nói trên là 195.000 và số lượt người được bồi dưỡng là 933.000¹.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong 3 năm (2001 - 2003) theo tinh thần Quyết định số 74/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hướng vào các nội dung:

- Tập trung vào đối tượng công chức hành chính và cán bộ, công chức cơ sở. Trong 3 năm, có 260.000 lượt công chức hành chính không kể cán bộ lãnh đạo, quản lý và 479.000 lượt cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn được đào tạo.

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào trang bị kiến thức lý luận chính trị và quản lý nhà nước. Trong 3 năm tổng số cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị với các trình độ khác nhau (trung cấp, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ) là 221.000 lượt người; về kiến thức quản lý nhà nước là 189.000 lượt người.

- Tập trung vào đối tượng lãnh đạo cấp Sở, ban ngành ở địa phương và cấp Cục, Vụ, Viện ở Trung ương với tổng số gần 58.000 lượt người.

- Việc đào tạo ngoại ngữ, tin học được thực hiện theo yêu cầu công vụ. Số người được đào tạo trong 3 năm là 83.000 lượt người, tuy số người được đào tạo không nhiều nhưng chất lượng và hiệu quả được nâng lên đảm bảo đào tạo đúng người, đúng yêu cầu nội dung công việc.

Tháng 7-2002, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX bàn và kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII về công tác tổ chức và cán bộ. Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá IX nhấn mạnh đến việc đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức: "Đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, chú ý bồi dưỡng phẩm chất chính trị, trình độ nghề nghiệp, năng lực thực tiễn, xử lý tình huống, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong quá trình đào tạo. Có kế hoạch cử cán bộ và những thanh niên ưu tú đi đào tạo ở nước ngoài với số lượng và cơ cấu nghề nghiệp phù hợp"¹.

Thực hiện kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX và tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo tinh thần Quyết định số 74/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương tăng cường đào tạo, bồi

1. Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định số 74/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội Vụ, tr. 1-8.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002 tr. 231.

dưỡng nâng cao kiến thức mọi mặt cho hai đối tượng chính là công chức hành chính và cán bộ chính quyền cơ sở, trong đó, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ chính quyền cơ sở là người dân tộc thiểu số và cán bộ ở miền núi, vùng sâu, vùng xa...

Trong năm 2004, Bộ Nội vụ xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong toàn quốc và trực tiếp tổ chức bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khóa (2004-2009): mở 18 lớp ở 10 cụm bồi dưỡng cho 3.758/3.852 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tổ chức 2 lớp tập huấn báo cáo viên bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã cho 612 người¹. Phối hợp với các cơ quan liên quan, Bộ đã xây dựng chương trình và hoàn thành 5/11 giáo trình, tài liệu đào tạo 7 chức danh và cán bộ chủ chốt xã, đồng thời xây dựng chương trình biên soạn và đưa vào sử dụng 3/9 bộ tài liệu tiếng dân tộc để đào tạo cán bộ, công chức công tác tại các vùng dân tộc. Tính chung trong năm 2004, hơn 690.000 lượt cán bộ, công chức địa phương và trên 43.000 cán bộ, công chức Trung ương đã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành chính². Trong đào tạo bồi dưỡng đã tập trung ưu tiên vào đối tượng công chức hành chính và cán bộ, công chức cơ sở; đặc biệt là ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Trong bối cảnh mở rộng hợp tác quốc tế, công tác đào tạo cán bộ, công chức ở nước ngoài được Bộ Nội vụ quan tâm. Năm 2003, Bộ cử 105 cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; năm 2004, tổ chức 16 đoàn gồm 251 cán bộ lãnh đạo cấp vụ đi khảo sát, học tập về cải cách hành chính, công chức, công vụ ở một số nước châu Âu, châu Á.

Tại Học viện Hành chính quốc gia, năm 2003, Học viện đã mở 2 lớp bồi dưỡng chuyên viên cao cấp; 45 lớp bồi dưỡng chuyên viên chính; 15 lớp chuyên viên cho các Bộ, ngành, địa phương; 4 lớp bồi dưỡng cán bộ

lãnh đạo các Bộ và cấp tỉnh. Năm 2004, Học viện mở tiếp 44 lớp chuyên viên, chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp cho 3.046 học viên; mở 9 lớp với 745 học viên các địa phương; mở 5 lớp hành chính doanh nghiệp cho 238 học viên; mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề cho 2.418 học viên. Ngoài ra, những năm qua Học viện đã đào tạo hàng trăm sinh viên đại học chính quy, trên 6.000 sinh viên tại chức và hàng trăm học viên sau đại học (thạc sĩ).

3. Xây dựng chính sách, chế độ tiền lương mới

Thực hiện nhiệm vụ thường trực Ban Chỉ đạo chế độ tiền lương, Bộ Nội vụ đã cùng các cơ quan nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội đề án cải cách chế độ tiền lương và chính sách xã hội. Kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI đã thông qua đề án cải cách chế độ tiền lương và chính sách xã hội. Đó là cơ sở để Chính phủ tiến hành cải cách tiền lương trong năm 2004 và 2005.

Trong năm 2004, Bộ Nội vụ đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tập trung nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương và trợ cấp xã hội theo hướng tách chức năng, bộ máy quản lý hành chính Nhà nước với chức năng, bộ máy, viên chức sự nghiệp, dịch vụ công và chức năng tổ chức sản xuất kinh doanh để có cơ chế phù hợp. Trên cơ sở đó xây dựng chính sách tiền lương phù hợp với sự tăng trưởng kinh tế đất nước. Bộ đã nghiên cứu xây dựng trình ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 730 ngày 30-9-2004 và trình Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 128 ngày 14-12-2004 để chỉ đạo việc xây dựng chính sách tiền lương mới. Bộ Nội vụ đã trực tiếp soạn thảo trình Chính phủ ban hành Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Đồng thời Bộ cũng đã tham gia với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan hữu quan xây dựng trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chế độ tiền lương, phụ cấp đối với các Tổng Công ty nhà nước.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 7.

2. Báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2004, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

Chế độ tiền lương mới được áp dụng từ ngày 1-10-2004 đã có những đổi mới quan trọng so với chế độ tiền lương được quy định năm 1993; đó là:

- Ngoài việc quy định mức lương tối thiểu áp dụng chung cho các đối tượng trong toàn xã hội, có thể áp dụng các mức cao hơn tùy theo nguồn trả lương của từng khu vực .

- Hệ thống thang bảng lương gồm 7 bảng, được thu gọn hơn trước; thực hiện tách các yếu tố ưu đãi, điều kiện lao động ra khỏi lương để chuyển sang chế độ phụ cấp, kể cả các đối tượng cán bộ do bầu cử.

- Đổi mới cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập của các cơ quan hành chính, sự nghiệp: thực hiện khoán biên chế và kinh phí hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức sự nghiệp công lập.

Để triển khai thực hiện chế độ tiền lương mới, trong quý I năm 2005, Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành tập huấn về chế độ tiền lương mới, đồng thời xử lý các mối quan hệ về thang, bảng lương, bội số của các lĩnh vực hoạt động, các đối tượng nhận lương, bảo đảm tính cân đối, công bằng để tiền lương trở thành động lực giúp cho cán bộ, công nhân viên chức hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Ngoài nhiệm vụ trọng tâm là nghiên cứu cải cách tiền lương, Bộ Nội vụ đã làm thủ tục và ký quyết định “nâng bậc lương, nâng ngạch cho hơn 1.000 chuyên viên cao cấp và tương đương, đồng thời xử lý hàng trăm văn bản liên quan đến chế độ, chính sách, tiền lương”¹.

Trong sự phát triển chung của đất nước, để từng bước cải thiện điều kiện sinh hoạt cho một số đối tượng lao động đặc thù, năm 2003 Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan hữu quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức ngành y tế; cơ yếu; phụ cấp thâm niên hải quan; chế độ ăn định lượng cho sĩ quan, hạ sĩ quan công an; chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên

tham gia Sea Games 22...

Bộ đã triển khai nghiên cứu một số đề tài, đề án, tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo tập hợp ý kiến của các chuyên gia, các nhà quản lý, các nhà khoa học để xây dựng chế độ lương mới. Sau nhiều năm chỉnh sửa, bổ sung, chế độ tiền lương mới đã được Đảng, Chính phủ, Quốc hội thông qua được áp dụng từ 1-10-2004. Sự đóng góp của Bộ Nội vụ vào chế độ tiền lương mới là quan trọng, nó giúp cho chế độ tiền lương và chính sách xã hội được hình thành sẽ tiến bộ hơn, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

4. Thanh tra công vụ

Thực hiện sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong năm 2003, Bộ Nội vụ tiến hành một số cuộc thanh, kiểm tra hoạt động xây dựng và các trường hợp khiếu nại ở Bình Thuận, Thái Bình, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Vĩnh Phúc và một số cơ quan khác. Trong năm 2004, Bộ thực hiện kiểm tra công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009

tại 7 tỉnh, thành phố; kiểm tra việc thực hiện chủ trương tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP và Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP của Chính phủ tại 7 Bộ, ngành Trung ương và một số địa phương; kiểm tra việc khiếu nại về tình trạng cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp tại 5 Bộ và 8 Tổng Công ty và 7 tỉnh, thành phố.

Công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được tập trung vào một đầu mối. “Năm 2003, Bộ Nội vụ tiếp nhận 261 lượt cán bộ, công chức và công dân khiếu nại, tố cáo và đề nghị, phản ánh; tiếp nhận 714 lượt đơn thư, trong đó có 141 lượt đơn thư gửi đến Bộ lần đầu. Năm 2004 tiếp nhận 903 lượt đơn thư và tiếp nhận 379 lượt người đến Bộ khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh”¹.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 5.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2003, 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội

V- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện vai trò thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và một số cơ quan khác nghiên cứu xây dựng trình Chính phủ phê duyệt 7 chương trình hành động để thực hiện Chương trình tổng thể cải cách nền hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010¹.

Đồng thời Bộ Nội vụ còn phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng trình Chính phủ Đề án tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 18/ 2003/ QĐ-TTg ngày 4-9-2003 về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Bộ đã giúp Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tiến hành theo dõi việc triển khai và tổng kết việc thực hiện cơ chế “một cửa” ở các địa phương trong cả nước. Trong năm 2004, cả nước có 63/64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai cơ chế “một cửa”, trong đó có 25 địa phương thực hiện đủ ở cấp tỉnh và cấp huyện. Riêng cấp huyện có 514/622 đơn vị (đạt 80%) thực hiện cơ chế “một cửa”. Quá trình

vụ, tr 6, 8.

1. 7 chương trình hành động để thực hiện Chương trình tổng thể cải cách nền hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010; đó là:

- Chương trình đổi mới công tác xây dựng, ban hành và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.
- Chương trình nghiên cứu xác định vai trò chức năng và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.
- Chương trình tinh giản biên chế.
- Chương trình xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức.
- Chương trình cải cách tiền lương.
- Chương trình đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công.
- Chương trình hiện đại hóa hành chính.

thực hiện cơ chế “một cửa” đã góp phần nâng cao chất lượng xử lý công việc của cơ quan hành chính nhà nước.

Sự chỉ đạo chặt chẽ của Chính phủ và chính quyền địa phương, đến hết tháng 4-2005 đã có 85,93% các Sở thực hiện cơ chế một cửa (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) của 64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 45,23% các Sở khác; 96,22% các đơn vị hành chính cấp huyện, 42,63% các đơn vị hành chính cấp xã đã triển khai thực hiện cơ chế “một cửa”¹. Từ năm 2003, Bộ Nội vụ đã tham gia cùng Bộ Tài chính hướng dẫn, chỉ đạo áp dụng chế độ tài chính mới cho đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định số 10/NĐ-CP để từng bước tạo lập cơ chế tự chủ và thực hiện việc tách dần đơn vị sự nghiệp với cơ quan hành chính công quyền. Sau 1 năm thực hiện, đến hết năm 2003, có 29 Bộ, ngành và 35 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao quyền tự chủ tài chính cho 4.386/16.000 đơn vị sự nghiệp, đạt 27,2% số đơn vị, trong đó có 424 đơn vị thuộc các Bộ, ngành Trung ương và 3.937 đơn vị thuộc các địa phương.

Trong năm 2004, công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh hơn trên cả bốn lĩnh vực là: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách tài chính công. Kết quả rõ nét nhất về cải cách hành chính năm 2004 ở nội dung cải cách thể chế. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã tập trung xây dựng đề trình Quốc hội, ủy ban Thường vụ Quốc hội 36 dự án Luật, Pháp lệnh; trình Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành 14 Nghị quyết, 210 Nghị định và 215 Quyết định trên các lĩnh vực, góp phần hình thành dần một môi trường pháp lý phù hợp cho hoạt động của xã hội, các thành phần kinh tế và người dân. Các văn bản pháp luật mới ban hành đã thể hiện rõ tinh thần cải cách, góp phần thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa

1. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện cơ chế “một cửa” của Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ.

nhằm tách rõ cơ quan hành chính công quyền với các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công, tạo môi trường kinh tế thuận lợi cho dân và doanh nghiệp, cải thiện đáng kể mối quan hệ Nhà nước với dân và doanh nghiệp.

Để phục vụ trực tiếp cho cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, từ năm 2003, Bộ đã chủ trì triển khai chương trình “*Nghiên cứu xác định vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước*” và Chương trình “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức*”. Đến giữa năm 2005, các đơn vị đã hoàn thành nhiều nội dung cụ thể của hai chương trình này, đã phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức 6 đợt tập huấn về cải cách tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý biên chế mới đối với cán bộ chủ chốt và tổ chức các hội nghị hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn ở địa phương, đồng thời tổ chức nghiệm thu 7 đề tài thuộc Chương trình 121, tạo luận cứ khoa học cho việc xây dựng các đề án, Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ về cải cách tổ chức bộ máy hành chính, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước của các Bộ, ngành.... Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền các báo cáo về công tác cải cách hành chính như: Báo cáo tổng kết 3 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010; Báo cáo hàng năm thực hiện công tác cải cách hành chính, Báo cáo tình hình cải cách hành chính qua 20 năm đổi mới...

VI- QUẢN LÝ HỘI, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ, VĂN THƯ LƯU TRỮ, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Về quản lý Hội, Tổ chức phi Chính phủ: Trong xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường và để tăng cường hội nhập quốc tế, các Hội và Tổ chức phi Chính phủ ngày càng phát triển. Nhằm quản lý tốt các hoạt động của các Hội và Tổ chức phi Chính phủ, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 88/2003/NĐ-CP về tổ chức hoạt động của các Hội và Tổ

chức phi Chính phủ. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, Bộ Nội vụ ra Thông tư số 01/2004/TT-BNV hướng dẫn một số điều của Nghị định. Bộ cũng tiến hành tổng kết một năm thực hiện Nghị định số 88/2003/NĐ-CP và Thông tư số 01/2004/TT-BNV. Tiếp đó, Bộ tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định 88/2003/NĐ-CP và Thông tư số 01/2004/TT-BNV đến cán bộ, công chức làm công tác ở các Bộ, ngành Trung ương, các Sở Nội vụ và cán bộ lãnh đạo của các Hội có phạm vi hoạt động toàn quốc. Trong năm 2004, 200 cán bộ của các Sở Nội vụ được tập huấn Nghị định số 88/2003/NĐ-CP và các văn bản về Hội của Chính phủ.

Nhờ sự phối hợp chặt chẽ của Bộ Nội vụ với các Bộ, ngành liên quan nên công tác quản lý Hội và Tổ chức phi chính phủ đã dần đi vào nền nếp. Việc thẩm định hồ sơ thành lập Hội và phê duyệt Điều lệ Hội được thực hiện nhanh chóng, song vẫn đảm bảo đúng quy định và đúng luật. Trong năm 2003, Bộ Nội vụ quyết định cho phép thành lập 8 Hội, Hiệp hội; phê duyệt điều lệ 36 Hội; phối hợp với ủy ban công tác phi chính phủ nước ngoài cấp phép lập văn phòng đại diện cho 42 tổ chức phi chính phủ, 10 dự án và cấp phép hoạt động cho 26 tổ chức phi chính phủ¹. Năm 2004 Bộ quyết định cho phép thành lập 31 Hội, Hiệp hội, phê duyệt điều lệ của 22 Hội, Hiệp hội; tham gia ý kiến về việc cấp giấy phép, gia hạn giấy phép hoạt động cho 30 tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam². Tổng số Hội và Hiệp hội ở Trung ương năm 2003 là 259, năm 2004 là 290³.

Về văn thư lưu trữ: Nhằm tăng cường chất lượng quản lý nhà nước về văn thư - lưu trữ, Bộ Nội vụ xây dựng trình Chính phủ ban hành các Nghị định số 110 và 111/ 2004/NĐ-CP về công tác văn thư và lưu trữ. Sau khi Chính phủ ban hành các Nghị định về văn thư, lưu trữ, Bộ Nội vụ tổ chức các hội nghị phổ biến và hướng dẫn thực hiện các Nghị định của Chính phủ.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2003 của Bộ Nội vụ, tr.3, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

2. Báo cáo tổng kết công tác năm 2004 của Bộ Nội vụ, tr.8, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

3. Báo cáo tổng kết công tác năm 2003, 2004 của Bộ Nội vụ, tr.3, 8, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

Trong năm 2003, Bộ và Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho 4 Bộ và 7 địa phương; tổ chức 8 lớp tập huấn công tác hành chính văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ cho gần 400 học viên là Chánh, Phó văn phòng và Trưởng phòng hành chính của các cơ quan.

Trong năm 2004, Bộ và Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước tập trung chỉ đạo các Trung tâm Lưu trữ quốc gia quản lý tài liệu và thực hiện một số đề án: xử lý tài liệu Địa bạ và Hán nô; xây dựng hệ thống định mức lao động trong hoạt động nghiệp vụ lưu trữ; giải quyết khối hồ sơ và kỹ vật của cán bộ đi B; bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia. Các Trung tâm Lưu trữ quốc gia đã hoàn thành theo kế hoạch những công việc thuộc các đề án châu bản, mộc bản, nâng cấp phòng lưu trữ, tu bổ tài liệu; tiến hành thu thập tài liệu lưu trữ, làm tốt công tác bảo quản tài liệu; bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia, tổ chức việc sử dụng, khai thác tài liệu phục vụ độc giả.

Hoạt động hội nhập quốc tế về lưu trữ có bước phát triển mới với việc tổ chức thành công Hội nghị SARBICA (Tổ chức Lưu trữ Đông Nam Á), tích cực chuẩn bị cho việc tổ chức triển lãm tài liệu lưu trữ Việt - Nga.

Về nghiên cứu khoa học, thông tin và hợp tác quốc tế: Đề góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu, xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Bộ đảm nhiệm, trong những năm 2002-2005, công tác nghiên cứu khoa học, thông tin và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực chủ yếu của Bộ Nội vụ ngày càng được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu.

Về nghiên cứu khoa học: Từ năm 2002 đến 2005, mặc dù phải thực hiện nhiều nhiệm vụ nặng nề trong công tác tham mưu, xây dựng chính sách, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chính sách, thanh tra, kiểm tra các mặt hoạt động trong các lĩnh vực thuộc chức năng của Bộ, song với tinh thần say mê nghiên cứu khoa học, đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là những người có trình độ cao và có nhiều kinh nghiệm công tác thuộc các đơn vị của Bộ Nội vụ đã tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm các đơn vị trong Bộ đều trực tiếp chủ trì và hoàn thành tốt một hai đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, hướng vào việc tạo luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính sách

thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nội vụ. Các trung tâm nghiên cứu khoa học chủ yếu của Bộ như Viện Nghiên cứu Khoa học tổ chức nhà nước, Học viện Hành chính quốc gia đã thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp Bộ và một số đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước. Trong những năm gần đây, Bộ Nội vụ đã triển khai nghiên cứu và bảo vệ thành công trên 100 đề tài khoa học cấp Bộ, 1 chương trình cấp Nhà nước (công trình biên soạn *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*), 5 đề tài độc lập cấp Nhà nước và một số đề tài Nhà nước thuộc các chương trình cấp Nhà nước khác. Kết quả nghiên cứu các đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước cùng với hàng trăm đề tài khoa học cấp Bộ trong 5 năm qua đã đóng góp trực tiếp vào các lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý tổ chức bộ máy, công chức công vụ, tiền lương, chính quyền địa phương, Hội, Tổ chức phi chính phủ, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, hoàn thiện công tác văn thư, lưu trữ... Bên cạnh việc nghiên cứu các đề tài khoa học, các đơn vị trong Bộ, nhất là Viện Nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước và Học viện Hành chính quốc gia còn triển khai trong toàn ngành trên phạm vi toàn quốc một số dự án điều tra cơ bản về các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ như: Điều tra thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở và cán bộ Hội đồng nhân dân các cấp; thực trạng phân công, phân cấp quản lý nhà nước Trung ương - địa phương; thực trạng hệ thống chính trị cơ sở; thực trạng cung ứng và xã hội hóa dịch vụ công; thực trạng tổ chức, hoạt động của Hội và Tổ chức phi chính phủ; thực trạng trình độ đội ngũ công chức hành chính nhà nước; nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức hành chính, cán bộ công chức cơ sở.... Kết quả các dự án đã cung cấp dữ liệu khoa học quan trọng cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành.

Trong những năm 2002-2005, để giúp Chính phủ nghiên cứu, biên soạn bộ *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Bộ Nội vụ được giao là cơ quan thường trực thực hiện công trình khoa học này. Đến nay đã hoàn thành bộ *Biên niên Lịch sử Chính phủ 1945-2002* (gồm 3 tập); bộ *Lịch sử Chính phủ 1945-2002* (gồm

3 tập); bộ sách ảnh *Lịch sử Chính phủ 1945-2005*.

Về công tác thông tin phục vụ các mặt công tác của Bộ những năm qua được coi trọng hơn. Việc ứng dụng rộng rãi công nghệ tin học vào quản lý tổ chức, nhân sự và cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý trong Bộ và ngành Tổ chức Nhà nước đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý điều hành. Việc duy trì đều đặn hàng tháng và nâng dần chất lượng *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*; tờ *Thông tin Cải cách nền hành chính nhà nước* và trang Web điện tử về *Cải cách hành chính* gần đây đã phục vụ trực tiếp cho việc phổ biến nhận thức và trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề có liên quan đến các mặt hoạt động của Bộ, của ngành Nội vụ. Tháng 7-2005, Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác khoa học ngành Tổ chức nhà nước giai đoạn 2001-2005 nhằm đánh giá kết quả hoạt động khoa học của Bộ và ngành trong phục vụ xây dựng chính sách pháp luật, tham mưu chỉ đạo, điều hành và thúc đẩy công tác khoa học trong giai đoạn mới.

Lĩnh vực hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ những năm 2002-2005 đã được đẩy mạnh và củng cố, nâng cao một bước về chất lượng, tập trung vào lĩnh vực cải cách nền hành chính nhà nước. Bộ đã chủ trì triển khai thực hiện một số dự án quốc tế do UNDP, Sida (Thụy Điển), ADB, KAS (Cộng hòa Liên bang Đức) tài trợ. Đồng thời, hàng năm Bộ còn tổ chức hàng chục đoàn cán bộ, công chức đi nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm nước ngoài cũng như đón tiếp, trao đổi kinh nghiệm với nhiều đoàn nghiên cứu, khảo sát của các nước đến Việt Nam về các lĩnh vực công tác liên quan đến Bộ. Bộ Nội vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ Chủ tịch ACCSM 11 (2001-2003) và các hoạt động hợp tác với ACCSM 12.

Thực hiện Quyết định số 122/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động của các hội nghị, hội thảo quốc tế, năm 2003, Bộ Nội vụ đã quản lý 320 hội nghị, hội thảo quốc tế¹ và năm 2004 là 482 cuộc hội nghị, hội thảo

quốc tế¹ trong các ngành, lĩnh vực khác nhau ở Trung ương và địa phương.

Tháng 6-2005, Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội nghị Việt – Pháp về chủ đề phi tập trung với hơn 500 đại biểu. Trong đó có hơn 200 đại biểu nước ngoài, đại diện cho các chính quyền địa phương của nước cộng hoà Pháp.

Sau gần 3 năm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mới theo tinh thần Nghị định số 45/2003/NĐ-CP, tổ chức bộ máy và hoạt động của Bộ Nội vụ có bước phát triển mới về chất. Bộ Nội vụ đã và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng chính quyền địa phương, quản lý Hội và Tổ chức phi chính phủ, quản lý công tác văn thư lưu trữ nhà nước và một số lĩnh vực nội vụ khác. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, Bộ Nội vụ đã có những đóng góp quan trọng vào việc triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010; đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009 gắn với việc kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương; đã nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện có kết quả Đề án cải cách tiền lương và trợ cấp xã hội; triển khai khẩn trương, nghiêm túc Pháp lệnh Cán bộ, công chức, xây dựng trình Chính phủ ban hành nhiều nghị định, quyết định có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, và cán bộ, công chức cơ sở. Thi hành Luật Tổ chức Chính phủ và các nghị định của chính phủ, Bộ Nội vụ cùng với các cơ quan hữu quan tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính Trung ương và địa phương. Qua đó đã phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức ở cả ba khu vực hành chính, sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của từng tổ chức và của cả hệ thống. Các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương tới chính quyền địa

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2003 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.8.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2004 của Bộ Nội vụ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.10.

phương các cấp từng bước được phân định, phân cấp rõ nét hơn, góp phần khắc phục những chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ, từng bước xác lập mô hình Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, tổ chức lại bộ máy các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân các cấp theo hướng tinh gọn, linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Những kết quả cụ thể và thiết thực của Bộ Nội vụ trên các mặt công tác thuộc chức năng của mình đã góp phần quan trọng, tích cực vào công cuộc cải cách hành chính nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI.